

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Số: 1042/2022/EIB-TGD

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM**

- Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**
 - Mã chứng khoán: EIB.**
 - Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại liên hệ: (028) 38279067
 - Email: vphdqt@eximbank.com.vn
 - Website: <https://www.eximbank.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Ngày 24/02/2022, Hội đồng quản trị (“HDQT”) Eximbank Quyết định ban hành **Quy chế quản trị nội bộ Eximbank**.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/02/2022 tại đường dẫn <https://eximbank.com.vn/quychequantrinoibo>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

**KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc****Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định HDQT và Quy chế;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng HĐQT Eximbank

**Nguyễn Hồ Hoàng Vũ**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Eximbank**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

Căn cứ Điều lệ Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Eximbank”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 lần thứ hai của Eximbank ngày 15/02/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2022/EIB/NQ-HĐQT ngày 24/02/2022 của Eximbank;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản trị nội bộ Eximbank” (đính kèm).
- Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 330/2018/EIB/QĐ-HĐQT ngày 19/06/2018 của Hội đồng quản trị Eximbank và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *phamthi*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT; BKS (để báo cáo);
- VP.HĐQT (lưu).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**Lương Thị Cẩm Tú**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc quản trị, điều hành trong toàn hệ thống ngân hàng.....	4
Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng	5
Điều 4. Giải thích từ ngữ	5
Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 5. Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	8
Điều 8. Thông báo triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 9. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 11. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	12
Điều 15. Thông báo kết quả biểu quyết.....	12
Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	16
Điều 22. Các vấn đề khác	17
Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 23. Vai trò của Hội đồng quản trị	17
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	21

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị..	24
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 33. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	27
Điều 35. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị.....	27
Điều 36. Các Ủy ban (và Hội đồng) thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty	30
Chương IV BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 38. Vai trò của Ban kiểm soát.....	31
Điều 39. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 43. Cách thức cổ đông nhóm cổ đông đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 44. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 46. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 48. Các quy định khác về Ban kiểm soát	36
Chương V NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG.....	36
Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	36
Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương.....	38
Điều 51. Trình tự thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương	39
Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương	39
Điều 53. Trình tự, thủ tục ký kết Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương.....	39
Chương VI PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - TỔNG GIÁM ĐỐC	39

Điều 54. Nguyên tắc phối hợp.....	39
Điều 55. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	40
Điều 56. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.....	40
Điều 57. Quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc.....	41
Chương VII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG.....	41
Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành Ngân hàng khác.....	41
Điều 59. Giao dịch với người có liên quan.....	41
Chương VIII ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG.....	42
Điều 60. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng	42
Điều 61. Kỷ luật.....	42
Chương IX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC QUY CHẾ.....	42
Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	42
Điều 63. Ngày hiệu lực.....	43

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...79.../2022/EIB/QĐ-HĐQT ngày 24./02/2022
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục đích ban hành: Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**Quy chế**”) quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để:

a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**” hoặc “**Eximbank**”); và

b) Đảm bảo Ngân hàng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng quy định tại Điều lệ Ngân hàng bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan trong toàn hệ thống của Ngân hàng.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị, điều hành trong toàn hệ thống ngân hàng

Quản trị ngân hàng là hệ thống cấu trúc và quy tắc để đảm bảo Ngân hàng được vận hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Ngân hàng và các cổ đông. Các nguyên tắc quản trị, điều hành cơ bản trong toàn hệ thống Ngân hàng bao gồm:

1. Đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng;
2. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến ngân hàng;
6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng;
7. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
8. Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng

Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:
 - a) Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”);
 - b) HĐQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng;
 - c) Người phụ trách quản trị Công ty là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Các từ ngữ, thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;
 - c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - đ) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - e) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.

- g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Ngân hàng;
- h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
- k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- n) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.
- o) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- p) Quyết định việc đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q) Quyết định thành lập công ty con;
- r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- t) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
- b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 1/2 (nửa) năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa số

với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quy định tại Điều lệ Eximbank;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, đ và e khoản 2 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Eximbank và quy định của pháp luật.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Eximbank và quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.

6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

7. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHCĐ

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Ngân hàng phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông (nếu có); chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Thông báo triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (Email hoặc phương thức khác phù hợp), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Ngân hàng chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức khác được Điều lệ Eximbank và pháp luật quy định.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Ngân hàng hoặc được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông và tuân thủ theo quy định của pháp luật trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 11. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Eximbank.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Xem xét và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

d) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;

e) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

g) Quyết định việc đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

Điều 13. Cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết các phiếu biểu quyết và/hoặc một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại đại hội, số thẻ đồng ý (tán thành) được đếm trước, số thẻ không đồng ý (không tán thành) được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu đồng ý (tán thành) hay không đồng ý (không tán thành) để quyết định. Tổng số phiếu đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành) hoặc không biểu quyết hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Khi biểu quyết bằng các phiếu biểu quyết có thể bao gồm nhiều vấn đề cần lấy biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được xác lập thành biên bản riêng và được Chủ tọa công bố ngay hoặc trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không

bị ảnh hưởng.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Được số cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với một số vấn đề sau:

a) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;

c) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

d) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

đ) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

e) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng.

Điều 15. Thông báo kết quả biểu quyết

1. Trường hợp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Tổng số phiếu đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành) từng vấn đề hoặc không biểu quyết, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

2. Trường hợp biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu để công bố trước đại hội.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán

lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng (nếu có) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu như sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành) và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp;
- j) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự

họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các Nghị quyết, Quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

Điều 18. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ theo quy định pháp luật.

Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp pháp bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Phương án biểu quyết bao gồm đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành) và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

đ) Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành) và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết đồng ý (tán thành), tỷ lệ cụ thể theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức khác phù hợp với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

2. Cổ đông phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này với Ngân hàng.

3. Cổ đông sẽ sử dụng tài khoản truy cập do Ngân hàng hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Ngân hàng thuê cung cấp và thực hiện họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Eximbank mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.

4. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do Ngân hàng hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Ngân hàng thuê cung cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới tham dự họp Đại hội/bỏ phiếu điện tử trên hệ thống do Ngân hàng hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Ngân hàng thuê thống kê trên cơ sở tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh của cổ đông và mặc nhiên được

coi là ý chí biểu quyết của cổ đông. Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Eximbank về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện thông qua tài khoản truy cập của cổ đông trên hệ thống họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/bỏ phiếu điện tử do Bên cung cấp dịch vụ cung cấp.

5. Hội đồng quản trị ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Quy chế về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến cùng với tài liệu mời họp Đại hội đồng cổ đông trước ít nhất 21 (hai mươi một) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

a) Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tuyến;

b) Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến;

c) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 22. Các vấn đề khác

1. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng.

3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm

quyền của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- (i) Định hướng phát triển của Ngân hàng;
- (ii) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- (iii) Tăng, giảm vốn Điều lệ của Ngân hàng;
- (iv) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- (v) Tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng;
- (vi) Các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (vii) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
- (viii) Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (ix) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

5. Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền.

6. Quyết định việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con của Ngân hàng.

7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.

8. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

9. Cử người đại diện vốn góp (đại diện theo ủy quyền) của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

10. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 29 Điều lệ Ngân hàng.

11. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 29 Điều lệ Ngân hàng.

12. Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

13. Quyết định cách thức và mức bồi thường khi thực hiện xử lý tổn thất về tài sản tại Ngân hàng. Hội đồng quản trị phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể theo các quy định nội bộ của Ngân hàng.

14. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

17. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

18. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

19. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

20. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

22. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

25. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.

26. Ban hành văn bản dưới hình thức phù hợp để giao Tổng giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, khi thấy cần thiết.

27. Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).

28. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.

29. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

30. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.

31. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

32. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và cổ đông.

3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

7. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

8. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

9. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

10. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu

11. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà mình nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

12. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

13. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

14. Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

15. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc.

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

Điều 26. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành của Ngân hàng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập nhưng không được kiêm Tổng giám đốc của Ngân hàng.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho

đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được quyền tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

6. Việc bầu, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Ngân hàng.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 67 và Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;
- c) Có bằng Đại học trở lên;
- d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của

Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người mà vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình là cổ đông lớn của Ngân hàng, là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

đ) Không cùng Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) theo nguyên tắc:

(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

(ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

(iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

(iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

(v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

(vi) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

(vii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

(viii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị tại kỳ Đại hội và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tỷ lệ tổng số phiếu bầu cho từng ứng viên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp Đại hội Đồng cổ đông phải đạt trên 51%.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng (đã đạt tỷ lệ trên 51%) thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau, không áp dụng tỷ lệ trên 51% cho việc bầu lại hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;

b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị (trong đó nêu rõ lý do từ chức) và được chấp thuận;

c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 67, Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;

e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

g) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ Ngân hàng;

h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng phải công bố thông tin theo quy định pháp luật.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị không đủ $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên theo quy định trên;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác và chức vụ của ứng viên tại Công ty đó;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Ngân hàng, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng (nếu có);
- g) Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 33. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại các cuộc họp thường niên.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng. *ll*

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Các cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

(i) Ban kiểm soát;

(ii) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;

(iii) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

(iv) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;


b) Các trường hợp HĐQT họp khẩn cấp:

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động của Ngân hàng, Hội đồng quản trị ban hành Quy định họp khẩn để làm cơ sở thực hiện.

c) Các trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khác (nếu có) thực hiện theo quy định của Điều lệ và pháp luật khác có liên quan.

Điều 35. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này, với các nội dung chính như sau:

1. Thông báo họp: 

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp trừ trường hợp khẩn cấp hoặc để xử lý kịp thời các nội dung quan trọng.

b) Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

c) Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

b) Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

c) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(i) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

(ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

3. Cách thức biểu quyết;

a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó. ✓

c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 70 Điều lệ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

4. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu đồng ý (tán thành), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.

5. Ghi và thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iii) Thời gian, địa điểm họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành; và không có ý kiến;

(viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp (chữ ký có thể là chữ ký xác thực qua email, chữ ký điện tử hoặc chữ ký trên văn bản giấy).

b) Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc một người khác do Hội đồng quản trị chỉ định chịu trách nhiệm ghi Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày gửi.

đ) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.

e) Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản.

g) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

6. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Ngay sau khi Hội đồng quản trị thông qua các quyết định, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho các bộ phận liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 36. Các Ủy ban (và Hội đồng) thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban (và Hội đồng) để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và theo quy định của pháp luật. Trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.

2. Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban (và Hội đồng) thực hiện theo quy chế hoạt động của Ủy ban (và Hội đồng) do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của

Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng.

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

Điều 39. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng trong quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hằng năm, xem xét lại

quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm i, k khoản 1 Điều 26 Điều lệ Ngân hàng. Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

6. Kịp thời thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Ngân hàng và Người điều hành Ngân hàng khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

8. Lập danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.

9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

10. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

12. Giám sát tình hình tài chính Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, đạo đức nghề nghiệp và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông;

2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát;

3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường;

4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;

5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;

7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật.

Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban.

2. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc

thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng;
2. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;
3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng.
5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng;
7. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó;
8. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điều này, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 43. Cách thức cổ đông nhóm cổ đông đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định Điều 29 của Quy chế này.

Điều 44. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định Điều 30 của Quy chế này.

Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);

c) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 67 và Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;

d) Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 62 Điều lệ Ngân hàng;

e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 46. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;

Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 47 Quy chế này, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật. Đồng thời Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin

tin theo quy định pháp luật.

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 48. Các quy định khác về Ban kiểm soát

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát, trình tự thủ tục tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban kiểm soát và các quy định khác về Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ, theo các văn bản nội bộ khác và các quy định pháp luật có liên quan.


Chương V NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.

2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc: 

a) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;

d) Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền; thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Quyết định lương, thưởng và phụ cấp đối với tất cả cán bộ, nhân viên và người lao động trong Ngân hàng theo thẩm quyền;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;

l) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

m) Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố,...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;

n) Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;

o) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;

p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo hợp đồng lao động ký với Ngân hàng, các quy chế nội bộ của Ngân hàng, quy định của Điều lệ Ngân hàng, qui định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

1. Tổng giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;
- c) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- d) Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của Ngân hàng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần theo quy định của pháp luật và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
- đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng;

b) Có đạo đức nghề nghiệp; ngoài ra, đối với Phó Tổng giám đốc, yêu cầu phải tuân thủ theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:

(i) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc

(ii) Có bằng Đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan

Điều 51. Trình tự thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

1. Hội đồng quản trị thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ khác của Eximbank.

2. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương được Ngân hàng thực hiện theo Điều lệ, các quy chế nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 53. Trình tự, thủ tục ký kết Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

Việc ký kết Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương được Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.


Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 54. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Ngân hàng.
3. Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch.
4. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) 

Điều 55. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.

3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

7. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến.

8. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

Điều 56. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý và giám sát đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát.

Điều 57. Quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc

1. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Chương VII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành Ngân hàng khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác và những Người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó kể cả trong trường hợp lợi ích của mình trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất.

Điều 59. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của ngân hàng.

Chương VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Điều 60. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc các nhân được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 61. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.

2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy định khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng tại từng thời kỳ.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC QUY CHẾ


Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm chín (IX) Chương, 63 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.
3. Các bản sao hoặc trích lục của Quy chế này có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về văn thư của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Thị Cẩm Tú

